

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **164/2021/HC-PT**
Ngày: 21/6/2021
“*V/v khiếu kiện QĐHC thu hồi, bồi
thường về đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Ba**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:
Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 66/2020/TLPT-HC ngày 30 tháng 10 năm 2020, về việc “*V/v khiếu kiện QĐHC thu hồi, bồi thường về đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2020/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1470/2021/QĐ-PT ngày 02/6/2021; giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Lương Thị Tuyết V, sinh năm 1962, địa chỉ: 227 L, phường 5, Tp. T, tỉnh Phú Yên- Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Khánh H, sinh năm 1940;

Địa chỉ: 279 L, phường 5, Tp. T, tỉnh Phú Yên- Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1/ Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Địa chỉ: Tp. Hà Nội- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích: Bà Nguyễn Thị H – cán bộ Tổng Cục quản lý đất đai. Địa chỉ: Tp. Hà Nội- Có mặt.

2/ Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: tỉnh Phú Yên- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Ngô Quang P – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên- Vắng mặt.

4/ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ủy ban nhân dân xã H, huyện P;

Địa chỉ: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Phòng Giáo dục và đào tạo huyện P, tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên- Vắng mặt.

3/ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ: Tp. T, tỉnh Phú Yên- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ: phường 7, Tp. T, tỉnh Phú Yên- Vắng mặt.

5/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ: phường 7, Tp. T, tỉnh Phú Yên- Vắng mặt.

6/ Ngân hàng TM Cổ phần X- Vắng mặt.

7/ Trường mầm non Tư thục H- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8/ Ông Đàm Khánh H, sinh năm 1940;

Địa chỉ: 279 L, phường 5, Tp. T, tỉnh Phú Yên- Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Đàm Khánh H: Ông Đoàn Cửu V – Luật sư Văn phòng Luật sư K, đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Tp. T, tỉnh Phú Yên - Vắng mặt.

9/ Ông Đào Đức N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tp. T, Phú Yên- Có mặt.

10/ Ông Đào Đức N – Giám đốc Công ty Giáo dục N T;

Địa chỉ: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên- Vắng mặt.

12/ Ông Võ N1, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên- Vắng mặt.

13/ Ông Lưu Văn P, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người khởi kiện bà Lương Thị Tuyết V, người đại diện theo ủy quyền ông Phan Ngọc T thống nhất trình bày:***

Nguyên Trường mầm non Tư thực B tại thị xã T (Tp. T) được thành lập theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 10/3/2003 của UBND thị xã T do bà Lương Thị Tuyết V làm chủ trường và đưa vào hoạt động. Ngày 01/11/2004, bà V làm tờ trình số 01/2004/TT/BS gửi UBND huyện P, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện P và UBND xã H xin địa điểm xây dựng Trường mầm non B cơ sở II tại khu ruộng 2L (LUC) tọa lạc tại địa phận thôn Đ, xã H, huyện P. Bà V gặp trực tiếp thương lượng với 05 hộ dân: Lê Thị N, Võ N1, Huỳnh Thị T, Lưu Văn P và ông Dương Đức T (trú tại thôn Đ, xã H, huyện P) làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tổng diện tích 6045m², bà V đã trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 20/6/2005, UBND tỉnh có Quyết định số 1344/QĐ-UBND chấp thuận đầu tư.

Ngày 18/8/2005, UBND tỉnh Phú Yên có Quyết định số 1817/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích Cơ sở giáo dục đào tạo có kinh doanh với diện tích 5.167,5m² và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình triển khai xây dựng thực hiện dự án. Ngày 12/2/2009, Trường mầm non B do bà V làm đại diện đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hiện tại và tài sản sắp hình thành trong tương lai gắn liền với diện tích 5.167,5m² đất nêu trên với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Phòng giao dịch Phú Yên (không thế chấp quyền sử dụng đất) để vay số tiền là 2.380.000.000 đồng. Ngày 13/5/2009, Ủy ban nhân dân huyện P có Quyết định số 1365/QĐ-UBND cho phép thành lập Trường mầm non Tư thực B.

Sau khi thế chấp tài sản để vay vốn, do không có khả năng thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Phòng giao dịch Phú Yên đã khởi kiện bà Lương Thị Tuyết V ra Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Ngày 23/6/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 13/2010/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên, bà Lương Thị Tuyết V không thể thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng như thỏa thuận. Cục Thi hành án dân sự tỉnh áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản bán đấu giá.

Tại Biên bản kê biên tài sản ngày 09/8/2011 có nội dung: Trong thực tế, Hội đồng cưỡng chế không kê biên phần diện tích đất và công san lấp, nâng mặt bằng. Tại Thông báo bán đấu giá số 71/TBĐG-SASC-PY lập ngày 08/10/2012, Biên bản bán đấu giá tài sản ngày 21/11/2012, Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 20/HĐMB/SASC ngày 21/11/2012 của Công ty TNHH dịch vụ đấu giá và tư vấn miền Nam – Chi nhánh Phú Yên đều xác định tài sản bán đấu giá là công trình xây dựng, cây xanh trên đất của Trường mầm non B. Như vậy, tài sản bán

đầu giá chỉ là trên đất, không đầu giá đất và quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích 5.167,5m² đất do bà V nhận chuyển nhượng.

Ngày 29/9/2014, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1563/QĐ-UBND thu hồi 5167,5m² đất nêu trên. Bà V khiếu nại, ngày 06/02/2015 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Không đồng ý, bà V tiếp tục khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngày 13/7/2016 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 1573/QĐ-BTNMT ngày 13/7/2016 giải quyết khiếu nại (lần 2) không đồng ý nội dung khiếu nại của bà V. Ngày 12/9/2016, UBND tỉnh Phú Yên ký Hợp đồng thuê đất số 32/2016/HĐTD cho ông Đào Đức N là Giám đốc Công ty TNHH Giáo dục N T (con ruột ông Đào Đức N) thuê thời hạn là 50 năm. Do đó, bà Lương Thị Tuyết V khởi kiện yêu cầu:

Hủy Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Thu hồi đất công trình: Trường Mầm non tư thục B giao cho UBND xã H, huyện P quản lý*”.

Hủy Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 24/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên “*Về việc cho Công ty TNHH Giáo dục N T thuê đất để thực hiện dự án Trường Mầm non tư thục H tại thôn Đ, xã H, huyện P*” (BL 987) và Hợp đồng thuê đất 32/2016/HĐTD của UBND tỉnh Phú Yên giữa UBND tỉnh Phú Yên với ông Đào Đức N.

Hủy Thông báo số 659/TB-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Cho phép lập thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án Trường mầm non tư thục H của Công ty TNHH Giáo dục N T*”.

Hủy Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 của UBND huyện P “*Về việc Phê duyệt Phương án Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trường hợp không có hồ sơ, chứng từ công trình Trường mầm non Tư thục B tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên*”.

Hủy Văn bản số 3602/UBND-NC ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Giải quyết việc sử dụng đất trường Mầm non tư thục B*”.

Hủy Công văn số 3842/UBND-NC ngày 16/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v trả lời đơn kiến nghị của bà Lương Thị Tuyết V*”.

Hủy Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Giải quyết nội dung khiếu nại của bà Lương Thị Tuyết V; Địa chỉ: 227 L, phường 5, thành phố T (lần đầu)*”

Hủy bỏ Quyết định số 1573/QĐ-BTNMT ngày 13/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường “*Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lương Thị Tuyết V tại 227 L, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên (lần 2)*”.

Hủy Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện P “*V/v giải thể trường mầm non tư thục B*”.

Hủy Quyết định số 476/QĐ-PGDĐT ngày 06/6/2013 của Phòng giáo dục huyện P “*Về việc đình chỉ hoạt động giáo dục của trường mầm non tư thục B*”.

Hủy Giấy phép xây dựng số 52/GPXD ngày 30/7/2019 của UBND huyện P.

Buộc UBND tỉnh Phú Yên trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.167,5m² cho bà Lương Thị Tuyết V. Trường hợp UBND tỉnh Phú Yên không trả lại quyền sử dụng đất thì buộc UBND tỉnh Phú Yên và UBND huyện P lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.167,5m² đã thu hồi cho bà Lương Thị Tuyết V theo giá thị trường với số tiền 32.981.207.000 đồng (Ba mươi hai tỷ chín trăm tám mươi một triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng).

*** Người bị kiện Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trình bày (Tại bản trình bày ý kiến số 2589/BTNMT-TTr ngày 24/5/2017):**

Ngày 10/3/2003, Ủy ban nhân dân Thị xã T (nay là thành phố T) có Quyết định số 146/QĐ-UBND thành lập Trường Mầm non tư thục B (sau đây gọi là Trường mầm non B) do bà Lương Thị Tuyết V làm chủ trường.

Năm 2005, bà Lương Thị Tuyết V đại diện Ban sáng lập Trường mầm non B nhận chuyển nhượng 05 thửa đất trồng lúa nước của các hộ dân tại thôn Đ, xã H, huyện P với tổng diện tích 6.045m². Ngày 12/8/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường mầm non B) với diện tích 5.167,5m² đất chuyên trồng lúa nước, với thời hạn sử dụng đến ngày 31/12/2015, phần diện tích còn lại là đất giao thông.

Ngày 13/01/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có Thông báo số 15/TB-UB cho phép lập thủ tục chuẩn bị đầu tư Trường mầm non B tại thôn Đ, xã H, huyện P.

Ngày 20/6/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 1344/QĐ-UBND phê duyệt chấp thuận đầu tư Dự án Trường mầm non B. Tổng mức đầu tư 3.018.810.000 đồng, địa điểm xây dựng khu đất thuộc thôn Đ, xã H, huyện P.

Ngày 18/8/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 1817/QĐ-UBND cho phép chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 5.167,5m² từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích cơ sở giáo dục đào tạo có kinh doanh và Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 12/8/2005 chuyển 445m² từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất giao thông không kinh doanh đối với các thửa đất mà bà Lương Thị Tuyết V nhận chuyển nhượng tại thôn Đ, xã H, huyện P.

Ngày 25/5/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 770/CN-UBND trong đó có nội dung: Dự án xây dựng Trường mầm

non B khởi công tháng 6/2006, dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động tháng 9/2008 với mức đầu tư 3.018.810.000 đồng; nhà nước giao đất ổn định lâu dài và không thu tiền sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện Dự án.

Ngày 28/12/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE226077 cho Trường mầm non B với diện tích 5.167,5m² sử dụng vào mục đích đất cơ sở giáo dục đào tạo có kinh doanh (để xây dựng Trường mầm non B tại thôn Đ, xã H, huyện P, thời hạn sử dụng đất lâu dài, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất. Trường mầm non B đã đầu tư xây dựng dự án, quản lý sử dụng đất vào mục đích cơ sở giáo dục đào tạo.

Ngày 04/5/2006, Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp Giấy phép xây dựng số 17/GPXD cho Trường mầm non B để xây dựng trường trên diện tích 5.167,5m² tại xã H, huyện P.

Ngày 12/2/2009, Trường mầm non B do bà Lương Thị Tuyết V làm đại diện đã ký Hợp đồng số H0003/HĐTC thế chấp tài sản hiện tại và tài sản sắp hình thành trong tương lai gắn liền với diện tích 5.167,5m² đất nêu trên với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Phòng giao dịch Phú Yên (không thế chấp quyền sử dụng đất) để vay số tiền là 2.380.000.000 đồng. Sau khi thế chấp tài sản để vay vốn, do không có khả năng thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X – Phòng giao dịch Phú Yên đã khởi kiện bà Lương Thị Tuyết V ra Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Ngày 23/6/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 13/2010/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, theo đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 14/6/2010, bà V phải thanh toán dứt điểm số tiền nợ gốc 2.380.000.000 đồng và 06 tháng tiếp theo tính từ ngày 14/12/2010 phải thanh toán hết số nợ lãi 486.650.241 đồng và tiền lãi phát sinh thêm đến ngày thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X; trường hợp đến hạn mà bà Lương Thị Tuyết V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Ngày 15/4/2011, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên đã ban hành Quyết định số 22/QĐ-THA thi hành án theo đơn yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Ngày 02/8/2011, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên có Quyết định số 05/QĐ-CTHA cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của bà Lương Thị Tuyết V là chủ Trường mầm non B gồm toàn bộ công trình, vật kiến trúc, tài sản hiện có trên đất và phần công san lấp mặt bằng, bồi thường giải phóng mặt bằng của Dự án Trường mầm non B trên diện tích đất 5.167,5m² để thi hành án. Ngày 09/8/2011, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên tiếp tục kê biên toàn bộ công trình, vật kiến trúc, cây

xanh gắn liền với diện tích đất 5.167,5m² (toàn bộ tài sản gắn liền với đất), không kê biên phần san lấp mặt bằng, bồi thường giải tỏa mặt bằng của Dự án.

Theo Biên bản bán đấu giá số 26/BBĐG-SASC.PY ngày 21/11/2012 thì ông Đào Đức N (trú tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên) là người trúng đấu giá toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Trường mầm non B với giá là 4.093.000.000 đồng. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên đã tiến hành bàn giao toàn bộ tài sản đấu giá gắn liền với 5.167,5m² đất cho ông Đào Đức N tại Biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 18/01/2013.

Ngày 06/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện P có Quyết định số 476/QĐ-PGDĐT về việc đình chỉ hoạt động của Trường mầm non B với lý do: Trường mầm non B đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Mầm non tư thục (không đủ trường, vật chất, thiết bị để đáp ứng, duy trì, phát triển hoạt động giáo dục) bàn hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

Ngày 28/7/2014, bà Lương Thị Tuyết V có đơn kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên xin phép điều chỉnh đầu tư hạng mục công trình khối nhà lớp học A2 thuộc dự án Trường mầm non B. Ngày 16/9/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có Công văn số 3842/UBND-NC trả lời bà V với nội dung: Việc bà V đề nghị được tiếp tục triển khai dự án củng cố Trường mầm non B giai đoạn 2 trên diện tích đất 5.167,5m² là không có cơ sở pháp lý để giải quyết.

Ngày 03/9/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có Công văn số 3602/UBND-NC gửi Trường mầm non B đã xác định: Trường mầm non B được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất (nghĩa là trong trường hợp này tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ Ngân sách Nhà nước); Trường mầm non B đã bị Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên tổ chức kê biên và bán đấu giá tài sản gắn liền với đất, nay không còn tài sản trên đất, như vậy đã giảm hoặc không còn khả năng sử dụng đất trên diện tích 5.167,5m², do đó, Nhà nước sẽ thu hồi đất theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 65 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 29/9/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 1563/QĐ-UBND thu hồi 5.167,5m² đất của Trường mầm non B để giao cho Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Không đồng ý với Quyết định số 1563/QĐ-UBND nêu trên, bà Lương Thị Tuyết V khiếu nại và yêu cầu công nhận 5.167,5m² đất của Trường mầm non B thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà V.

Ngày 06/02/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định số 239/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà V với nội dung: Không công nhận toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà V đối với Quyết định thu hồi đất số 1563/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 và Công văn số 3842/UBND-NC ngày

16/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên vì khiếu nại, kiến nghị không có cơ sở pháp luật để xem xét, giải quyết; công nhận nội dung Quyết định số 1563/QĐ-UBND và Công văn số 3842/UBND-NC của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên là đúng pháp luật.

Ngày 11/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện P có Quyết định số 3704/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trên diện tích 5.167,5m² cho Trường mầm non B với số tiền 779.377.923 đồng, cụ thể: kinh phí bồi thường giá trị chuyển nhượng đất 2 lúa 103.350.000 đồng và kinh phí bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (trường hợp không có hồ sơ, chứng từ) 676.027.923 đồng. Ngày 13/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện P tiếp tục có Quyết định số 3714/QĐ-UBND chi trả số tiền 779.377.923 đồng nêu trên cho bà Lương Thị Tuyết V.

Không đồng ý với Quyết định số 239/QĐ-UBND nêu trên, bà V có đơn khiếu nại lên Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thẩm tra, xác minh và ngày 13/7/2016 đã có Quyết định số 1573/QĐ-BTNMT giải quyết khiếu nại của bà V với nội dung bác đơn khiếu nại, công nhận việc giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên tại Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 là đúng quy định pháp luật.

**** Tại văn bản số 2945/UBND-NC ngày 06/6/2017, người bị kiện UBND tỉnh Phú Yên và Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên có ý kiến:***

Trường Mầm non B đã bị Cục Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức kê biên và bán đấu giá thành công các tài sản gắn liền với đất, do đó Trường MNTT B không còn cơ sở vật chất để tiếp tục thực hiện mục tiêu đầu tư giảng dạy học tập cho trẻ em ở tuổi mầm non theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BDGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 của UBND tỉnh về chấp thuận phê duyệt dự án đầu tư. Như vậy, Trường MNTT B đã giảm nhu cầu, khả năng, điều kiện sử dụng diện tích đất 5.167,5m² theo quy mô, giải pháp đầu tư nêu tại Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 của UBND tỉnh.

- Mặt khác, UBND tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất cho Trường MNTT B. Căn cứ điểm c, khoản 3, Thông tư 92/2007/TT-BTC ngày 31/7/2007 của Bộ Tài chính xác định tiền sử dụng đất có từ nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trong các trường hợp: “Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nhưng cho miễn tiền sử dụng đất” thì trường hợp Trường MNTT B được giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất là có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước.

Từ những cơ sở trên, căn cứ điểm a khoản 1, Điều 65 và điểm a, khoản 2 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định

số 1563/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 thu hồi đất công trình Trường MNTT B là có căn cứ pháp luật.

Khi thực hiện Dự án xã hội hóa giáo dục, Trường MNTT B có nhu cầu đề nghị UBND tỉnh miễn nộp tiền sử dụng đất, miễn tiền thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện Dự án (tại văn bản đề nghị số 29/2006/MNBS ngày 24/4/2006), bà Lương Thị Tuyết V đã trả trước tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 5.167,5m² đất chuyên trồng lúa nước (được giao theo Nghị định số 64-CP của Chính phủ, thời hạn sử dụng đến Tháng 12/2015 mà trước đây bà V đã nhận chuyển nhượng từ các hộ dân để thực hiện Dự án và chi phí công san lấp mặt bằng. Phần giá trị quyền sử dụng đất chuyên trồng lúa nước và chi phí công san lấp mặt bằng nêu trên không kê biên bán đấu giá. Căn cứ điểm c, Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ thì giá trị diện tích 5.167,5m² đất lúa nước và công san lấp mặt bằng nêu trên được Nhà nước hoàn trả lại cho bà V là có căn cứ pháp luật.

Dự án Trường MNTT B được UBND tỉnh quyết định phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 với tổng mức đầu tư cho cả dự án là: 3.018.810.000 đồng, không quy định cho phép chủ đầu tư dự án triển khai thực hiện dự án theo phân kỳ giai đoạn đầu tư. Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 770/CN-UBND ngày 25/5/2006 của UBND tỉnh cấp cho Trường MNTT B, quy định tiến độ thi công dự án “Dự án khởi công tháng 6/2006, dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động tháng 9/2008; tổng vốn đầu tư dự án là 3.018 triệu đồng” đã thể hiện toàn bộ dự án của Trường MNTT B phải hoàn thành tháng 9/2008. Do đó, dự án Trường MNTT B không phân đoạn đầu tư giai đoạn 2 sau năm 2008. Đến tháng 9/2008, một số hạng mục công trình nêu tại Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 vẫn chưa được thi công hoàn thành và chưa thi công (trong đó khối nhà lớp học A2). Theo đề nghị của Ban sáng lập Trường MNTT B, ngày 27/7/2009, UBND tỉnh có Thông báo số 429/TB-UBND về việc điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng công trình và cho phép đưa công trình Trường MNTT B vào hoạt động, trong đó có nội dung: “*Điều chỉnh quy mô các hạng mục chưa thi công (Khối nhà lớp học 2A theo Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 của UBND tỉnh (nhà 02 tầng, diện tích xây dựng 269m², diện tích sàn 538m²) thành (nhà 03 tầng, tích xây dựng 324m², diện tích sàn 972m²), chủ đầu tư phải tập trung hoàn tất các thủ tục đầu tư và triển khai thi công hoàn thành công trình trong năm 2010*”. Tuy nhiên, đến thời điểm phát sinh khiếu nại, hạng mục nhà 2A theo Thông báo số 429/TB-UBND ngày 27/7/2009, của UBND tỉnh vẫn chưa được chủ đầu tư thực hiện thi công.

Như vậy, bà Lương Thị Tuyết V đã không thực hiện đúng tiến độ đầu tư theo quy định tại khoản 2, Điều 68 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư. Theo đó, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư có quyết định chấm dứt

hoạt động của Dự án trong trường hợp: “*Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà sau 12 tháng, nhà đầu tư không triển khai Dự án hoặc Dự án chậm tiến độ quá 12 tháng so với tiến độ thực hiện dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư, trừ trường hợp được tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện dự án theo quy định tại Điều 67 Nghị định này.*”

Hiện nay, bà Lương Thị Tuyết V không còn cơ sở vật chất (công trình nhà, vật kiến trúc, cây xanh, trang thiết bị trường học) để tiếp tục thực hiện duy trì, phát triển hoạt động giáo dục và theo quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 20/6/2005 của UBND tỉnh không cho phép Trường MNTT B phân kỳ giai đoạn thực hiện Dự án. Vì vậy, việc bà Lương Thị Tuyết V đề nghị tiếp tục triển khai thực hiện Dự án: củng cố, phát triển giai đoạn II của Trường MNTT B là không có cơ sở pháp lý để xin cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 giải quyết khiếu nại của bà Lương Thị Tuyết V là đúng quy định pháp luật. Do đó, việc bà V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết các nội dung theo Thông báo số 32/2017/TB-THC ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên là không có căn cứ pháp luật.

*** Người bị kiện UBND huyện P trình bày:** Việc UBND huyện P ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường là theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Phú Yên. Do đó, UBND huyện P thống nhất theo quan điểm trình bày của UBND tỉnh Phú Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiệu trưởng Trường Mầm non tư thục H trình bày:** Tôi chỉ có trách nhiệm quản lý về mặt chuyên môn, còn quản lý, tài sản của Nhà trường, đất đai thì do chủ quản lý là Công ty TNHH Giáo dục N T do ông Đào Đức N làm giám đốc. Ông Đào Đức N là con ruột ông Đào Đức N phụ trách công việc của trường. Việc bà V khiếu kiện quyết định hành chính của cơ quan nhà nước tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Đức N trình bày:** Công ty TNHH Giáo dục N T được thành lập năm 2014, do tôi làm giám đốc. Ông Đào Đức N là cha ruột của tôi. Sau khi ông Đào Đức N trúng đấu giá toàn bộ tài sản trên đất của trường Mầm non tư thục B. Ngày 12/8/2016 Công ty TNHH Giáo dục N T được UBND tỉnh Phú Yên chấp thuận cho thuê đất và ký hợp đồng thuê đất với diện tích đất thuê 5.230m². Ngày 19/9/2016, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2997/QĐ-UBND về việc cho phép thành lập trường Mầm non tư thục H, ngày 13/10/2016 Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện P ra Quyết định số 313/QĐ-PGDĐT về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với trường Mầm non H. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V thì tôi thấy rằng các tài sản trên đất đã được bán đấu giá, cha tôi là ông Đào Đức N mua thành công; còn diện tích đất 5.230m²

do công ty TNHH Giáo dục N T thuê của Nhà nước. Hiện nay trường Mầm non H đã đi vào hoạt động ổn định. Do đó, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn P trình bày:** Năm 2005, gia đình tôi chuyển nhượng cho bà V diện tích 2.378m². Tại thời điểm chuyển nhượng thì gia đình tôi vẫn đang sản xuất lúa 2 vụ. Giá chuyển nhượng là 47.560.000 đồng. Gia đình tôi chuyển nhượng hết diện tích trên cho bà V, việc chuyển nhượng có xác nhận của xã H. Bà V nói nhận chuyển nhượng để xây dựng trường mầm non. Ngoài ra thì tôi không biết gì khác. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Do sức khỏe yếu nên tôi xin vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án và khi Tòa án triệu tập.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N (người đại diện bà Lê Thị P – con dâu) trình bày:** Tòa án gửi giấy triệu tập, gia đình tôi đã nhận được tuy nhiên hiện nay bà N đã 82 tuổi không đi lại được để đến Tòa án theo giấy triệu tập. Do đó, bà N bảo tôi đến Tòa án để trình bày cho Tòa biết rõ lý do.

Còn liên quan đến việc chuyển nhượng đất lúa cho bà V thì thời điểm chuyển nhượng tôi cũng biết vì ở chung trong nhà. Lúc đó gia đình tôi đang sản xuất lúa. Bà V đến nhà nói chuyển nhượng để bà xây dựng Nhà trẻ (trường Mầm non tư thục B) thì gia đình tôi hợp lại và đồng ý bán với diện tích theo như hợp đồng chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng có xác nhận của xã H. Về việc tham gia tố tụng thì hiện nay bà N sức khỏe yếu nên không thể đến Tòa làm việc được. Do đó, tôi trình bày sự việc của gia đình tôi liên quan đến chuyển nhượng ruộng lúa cho bà V. Ngoài ra thì gia đình tôi không có ý kiến gì khác trong vụ án. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cục thi hành án tỉnh Phú Yên trình bày:** Việc kê biên tài sản thi hành án là đúng quy định của pháp luật. Về nguyên tắc là tài sản trúng đấu giá và kê biên có gì thì sẽ tiến hành bàn giao tài sản đó. Thời điểm kê biên chỉ kê biên tài sản, không kê biên đất.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng X trình bày:** Thời điểm thực hiện dự án thì bà V có đại diện trường vay vốn Ngân hàng, tuy nhiên không có khả năng thanh toán khoản vay nên Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp. Tại thời điểm thế chấp chỉ thế chấp tài sản trên đất, không thế chấp quyền sử dụng đất. Nay bà V đã thanh toán xong, ngân hàng không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đàm Khánh H:** Thống nhất theo quan điểm trình bày của người khởi kiện.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng giáo dục và Đào tạo huyện P:** Khi UBND tỉnh chấp thuận Dự án cơ sở giáo dục Trường Mầm non B thì Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND huyện P ra Quyết định thành lập

trường, công nhận hiệu trường. Khi trường không hoạt động, UBND tỉnh Phú Yên thu hồi đất thì Phòng cũng đã tham mưu để ban hành Quyết định không công nhận hiệu trường. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V thì Phòng không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 13/2020/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điểm đ, khoản 1 Điều 123 và điểm h điều 143 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 66 và điểm a, khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 65 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Tuyết V:

- Hủy Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 của UBND huyện P “*Về việc Phê duyệt Phương án Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trường hợp không có hồ sơ, chứng từ công trình Trường mầm non Tư thực B tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên*”.

- Buộc UBND tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường cho trường Mầm non Tư thực B (do bà Lương Thị Tuyết V làm đại diện) theo đúng quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi diện tích 5.167,5m² đất.

Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Tuyết V về việc:

- Hủy Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Thu hồi đất công trình: Trường Mầm non tư thực B giao cho UBND xã H, huyện P quản lý*”.

- Hủy Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 24/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên “*Về việc cho Công ty TNHH Giáo dục N T thuê đất để thực hiện dự án Trường Mầm non tư thực H tại thôn Đ, xã H, huyện P*” (BL 987) và Hợp đồng thuê đất 32/2016/HĐTĐ của UBND tỉnh Phú Yên giữa UBND tỉnh Phú Yên với ông Đào Đức N.

- Hủy Thông báo số 659/TB-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Cho phép lập thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án Trường mầm non tư thực H của Công ty TNHH Giáo dục N T*”.

- Hủy Văn bản số 3602/UBND-NC ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Giải quyết việc sử dụng đất trường Mầm non tư thực B*”.

- Hủy Công văn số 3842/UBND-NC ngày 16/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v trả lời đơn kiến nghị của bà Lương Thị Tuyết V*”.

- Hủy Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Giải quyết nội dung khiếu nại của bà Lương Thị Tuyết V; Địa chỉ: 227 L, phường 5, thành phố T (lần đầu)*”

- Hủy bỏ Quyết định số 1573/QĐ-BTNMT ngày 13/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường “*Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lương Thị Tuyết V tại 227 L, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên (lần 2)*”

- Hủy Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện P “*V/v giải thể trường mầm non tư thục B*”

- Hủy Quyết định số 476/QĐ-PGDĐT ngày 06/6/2013 của Phòng giáo dục huyện P “*Về việc đình chỉ hoạt động giáo dục của trường mầm non tư thục B*”.

- Hủy Giấy phép xây dựng số 52/GPXD ngày 30/7/2019 của UBND huyện P.

Buộc UBND tỉnh Phú Yên trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.167,5m² cho bà Lương Thị Tuyết V.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu: Buộc UBND tỉnh Phú Yên và UBND huyện P lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.167,5m² đã thu hồi cho bà Lương Thị Tuyết V theo giá thị trường với số tiền 32.981.207.000 đồng (Ba mươi hai tỷ chín trăm tám mươi một triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng), vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án trong vụ án hành chính.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2020 người khởi kiện – bà Lương Thị Tuyết V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Đàm Khánh H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lương Thị Tuyết V không rút đơn khởi kiện; bà Lương Thị Tuyết V và ông Đàm Khánh H giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đúng quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX tuyên bác kháng cáo của bà Lương Thị Tuyết V và ông Đàm Khánh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà V cho rằng Văn bản số 3602/UBND-NC ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Giải quyết việc sử dụng đất trường Mầm non tư*

thực B” có nội dung: Trường Mầm non B đã bị Cục Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức kê biên và bán đấu giá các tài sản gắn liền với diện tích đất 5167,5m² là không còn nhu cầu sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 1, Điều 65 và điểm a, khoản 2 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 thu hồi thu hồi 5167,5m² đất công trình Trường MNTT B là không đúng sự thật, trái pháp luật và xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của Trường Mầm non tư thực B. HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy:

[1.1] Thời điểm thu hồi diện tích đất 5167,5m² (29/9/2014) thì Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2014) nên theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 65 và điểm a, khoản 2 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 về các trường hợp thu hồi đất; trong đó có trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể, phá sản... và việc thu hồi đất phải căn cứ vào văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đã có hiệu lực pháp luật:

“Điều 65. Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người

1. Các trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người bao gồm:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể...

2. Việc thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều này phải dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết đã có hiệu lực pháp luật ...”.

Đối chiếu với trường hợp của Trường Mầm non tư thực B thì Trường Mầm non B đã bị Cục Thi hành án dân sự tỉnh tổ chức kê biên và bán đấu giá các tài sản thế chấp trên diện tích đất 5167,5m² (Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2010/QĐST-KDTM Ngày 23/6/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên) và theo Biên bản bán đấu giá số 26/BBĐG-SASC.PY ngày 21/11/2012 thì ông Đào Đức N là người trúng đấu giá toàn bộ tài sản gắn liền với đất của Trường mầm non B (gồm các tài sản: Toàn bộ công trình, vật kiến trúc, cây xanh và tường rào); sau khi đấu giá, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên đã tiến hành bàn giao toàn bộ tài sản đấu giá trên diện tích 5.167,5m² đất cho ông Đào Đức N (Biên bản giao nhận tài sản thi hành án ngày 18/01/2013). Bên cạnh đó, theo các biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện các tài sản bán đấu giá cho ông Đào Đức N nằm trên toàn bộ diện tích đất 5167,5m² được UBND tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Mầm non tư thực B sử dụng vào mục đích giáo dục đào tạo và hiện tại diện

tích đất 5167,5m² cũng đang sử dụng vào mục đích giáo dục (*Trường mầm non Tư thực H*).

Vì vậy, Trường MNTT B không còn cơ sở vật chất để tiếp tục thực hiện mục tiêu đầu tư giảng dạy học tập cho trẻ em ở tuổi mầm non theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và không còn khả năng thực hiện dự án đầu tư đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt tại Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 20/6/2005.

[1.2] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Mầm non tư thực bàn hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo thì Trường Mầm non tư thực B không còn trường học..., vật chất, thiết bị để đáp ứng, duy trì, phát triển hoạt động giáo dục và không đáp ứng thời hạn hoàn thành dự án và đưa vào hoạt động theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 770/CN-UBND ngày 25/5/2006 (*Dự án xây dựng Trường mầm non B khởi công tháng 6/2006, dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động tháng 9/2008*) và Thông báo số 429/TB-UBND ngày 27/7/2009 (*Điều chỉnh quy mô các hạng mục chưa thi công và thời hạn thi công hoàn thành công trình trong năm 2010*) của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Cho nên, Ủy ban nhân dân huyện P có Quyết định đình chỉ hoạt động của Trường mầm non B số 476/QĐ-PGDĐT ngày 06/6/2013 và Quyết định giải thể trường mầm non tư thực B số 2687/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 là đúng quy định tại Điều 6, khoản 2 Điều 10 và Điều 29 Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Mầm non tư thực bàn hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và các quyết định này không bị khiếu nại hoặc bị khởi kiện.

Như vậy, Trường Mầm non tư thực B đã bị của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động và giải thể có hiệu lực pháp luật và không thực hiện được dự án đầu tư theo quy định tại khoản 29, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. Do đó, UBND tỉnh Phú Yên căn cứ điểm a khoản 1, Điều 65 và điểm a, khoản 2 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013; ban hành Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 thu hồi 5167,5m² đất công trình của Trường MNTT B là đúng pháp luật và Quyết định giải quyết khiếu nại số 239/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1573/QĐ-BTNMT ngày 13/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường là có căn cứ, không xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của Trường Mầm non tư thực B.

[2]. Việc thu hồi đất là đúng pháp luật nên Công văn số 3842/UBND-NC ngày 16/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “V/v trả lời đơn kiến nghị của bà Lương Thị Tuyết V”, Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 24/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên “Về việc cho Công ty TNHH Giáo dục N T thuê đất để thực

hiện dự án Trường Mầm non tư thực H tại thôn Đ, xã H, huyện P”, Hợp đồng thuê đất 32/2016/HĐTD của UBND tỉnh Phú Yên giữa UBND tỉnh Phú Yên với ông Đào Đức N và Thông báo số 659/TB-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Phú Yên “V/v Cho phép lập thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án Trường mầm non tư thực H của Công ty TNHH Giáo dục N T” là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[3]. Tại cấp phúc thẩm, bà V có đơn khiếu nại cho rằng Bà không tự nguyện chịu chi phí định giá 45.710.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm quyết định: “bà Lương Thị Tuyết V tự nguyện chịu...” là không đúng sự thật. Tuy nhiên, thể hiện tại biên bản phiên tòa ngày 19/11/2019 và ngày 10/7/2020, bà V tự nguyện chịu chi phí định giá: “Tôi yêu cầu định giá và tiền định giá tôi chịu”, “tiền định giá chúng tôi sẽ chịu mọi chi phí” và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay những người tham gia tố tụng đều xác nhận bà V tự nguyện chịu chi phí định giá tại Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ xác định khiếu nại của bà V là đúng. Mặt khác, việc định giá tài sản là theo yêu cầu của bà V để bà V làm cơ sở khởi kiện bồi thường 5167,5m² đất (32.981.207.000 đồng) nhưng yêu cầu khởi kiện này của bà V, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ nên bà V phải chịu chi phí định giá tài sản theo quy định tại Điều 366 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Từ các nhận định trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị Tuyết V và ông Đàm Khánh H.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lương Thị Tuyết V và ông Đàm Khánh H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên ông H không phải chịu.

[6]. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của bà Lương Thị Tuyết V và ông Đàm Khánh H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 66 và điểm a, khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 65 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lương Thị Tuyết V về các yêu cầu sau đây:

- Hủy Quyết định số 3704/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 của UBND huyện P “Về việc Phê duyệt Phương án Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại trường

hợp không có hồ sơ, chứng từ công trình Trường mầm non Tư thực B tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên”.

- Buộc UBND tỉnh Phú Yên lập phương án bồi thường cho trường Mầm non Tư thực B (do bà Lương Thị Tuyết V làm đại diện) theo đúng quy định của pháp luật khi nhà nước thu hồi diện tích 5.167,5m² đất.

2. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị Tuyết V về các yêu cầu sau đây:

- Hủy Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Thu hồi đất công trình: Trường Mầm non tư thực B giao cho UBND xã H, huyện P quản lý*”.

- Hủy Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 24/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên “*Về việc cho Công ty TNHH Giáo dục N T thuê đất để thực hiện dự án Trường Mầm non tư thực H tại thôn Đ, xã H, huyện P*” và Hợp đồng thuê đất 32/2016/HĐTĐ của UBND tỉnh Phú Yên giữa UBND tỉnh Phú Yên với ông Đào Đức N.

- Hủy Thông báo số 659/TB-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Cho phép lập thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án Trường mầm non tư thực H của Công ty TNHH Giáo dục N T*”.

- Hủy Văn bản số 3602/UBND-NC ngày 03/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Giải quyết việc sử dụng đất trường Mầm non tư thực B*”.

- Hủy Công văn số 3842/UBND-NC ngày 16/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v trả lời đơn kiến nghị của bà Lương Thị Tuyết V*”.

- Hủy Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên “*V/v Giải quyết nội dung khiếu nại của bà Lương Thị Tuyết V; Địa chỉ: 227 L, phường 5, thành phố T (lần đầu)*”

- Hủy bỏ Quyết định số 1573/QĐ-BTNMT ngày 13/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường “*Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lương Thị Tuyết V tại 227 L, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên (lần 2)*”

- Hủy Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện P “*V/v giải thể trường mầm non tư thực B*”

- Hủy Quyết định số 476/QĐ-PGDĐT ngày 06/6/2013 của Phòng giáo dục huyện P “*Về việc đình chỉ hoạt động giáo dục của trường mầm non tư thực B*”.

- Hủy Giấy phép xây dựng số 52/GPXD ngày 30/7/2019 của UBND huyện P.

- Buộc UBND tỉnh Phú Yên trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.167,5m² cho bà Lương Thị Tuyết V.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu: Buộc UBND tỉnh Phú Yên và UBND huyện P lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 5.167,5m² đã

thu hồi cho bà Lương Thị Tuyết V theo giá thị trường với số tiền 32.981.207.000 đồng (*Ba mươi hai tỷ chín trăm tám mươi một triệu hai trăm lẻ bảy ngàn đồng*).

4. Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về thi hành bản án, về chi phí tố tụng và án phí hành chính sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Đàm Khánh H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm
- Bà Lương Thị Tuyết V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu số 0545 ngày 03/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh